



BÁO CÁO

CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

(Theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016)

Tại thời điểm 31/12/2025



MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU.....	3
II. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN	3
1. Nội dung định tính.....	3
2. Nội dung định lượng	3
III. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ.....	4
1. Nội dung định tính.....	4
2. Nội dung định lượng	4
IV. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN	4
1. Nội dung định tính.....	4
2. Nội dung định lượng	5
V. RỦI RO TÍN DỤNG.....	5
1. Nội dung định tính:	5
2. Nội dung định lượng	5
VI. RỦI RO HOẠT ĐỘNG	8
1. Nội dung định tính:	8
2. Nội dung định lượng	9
VII. RỦI RO THỊ TRƯỜNG	10
1. Nội dung định tính.....	10
2. Nội dung định lượng	11

I. GIỚI THIỆU

Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited – CN Hà Nội được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 80/GP-NHNN ngày 28/12/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0108146540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 03 năm 2018. Thời hạn hoạt động theo giấy phép là 99 năm.

Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited – CN Hà Nội được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động ngân hàng theo Giấy phép thành lập bao gồm: Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; Cấp tín dụng; Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; Cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước; Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; và cung cấp các dịch vụ ngân hàng khác theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thông tư 41/2016/TT-NHNN (“Thông tư 41”) quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được NHNN ban hành vào ngày 30/12/2016 nhằm tăng cường nguồn vốn pháp định bằng cách đưa ra các tiêu chuẩn vốn mới dựa trên rủi ro. Theo Thông tư 41, tất cả các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8% so với tổng tài sản tính theo rủi ro.

II. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

1. Nội dung định tính

Dưới đây là danh sách các công ty được hợp nhất và không được hợp nhất của Ngân hàng theo quy định về báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Công ty con: không phát sinh
- Công ty liên kết: không phát sinh
- Công ty được loại trừ (công ty bảo hiểm): không phát sinh

Ngân hàng không phát sinh các công ty được hợp nhất do vậy ngân hàng chỉ duy trì tỷ lệ an toàn vốn xác định trên cơ sở báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2. Nội dung định lượng

Giá trị khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm: không phát sinh.

III. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

1. Nội dung định tính

Tính đến thời điểm 31/12/2025, Ngân hàng chưa phát sinh công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ nào. Vốn tự có của Ngân hàng bao gồm vốn góp từ Ngân hàng Agricultural bank of China Ltd; (“Ngân hàng mẹ”) với số vốn điều lệ là 50.000.000 USD.

2. Nội dung định lượng

Bảng dưới đây trình bày cụ thể cấu phần vốn tự có của Ngân hàng

Biểu 01 – Vốn tự có

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các khoản mục vốn	Giá trị
1	Vốn cấp 1	1.364.998
2	Vốn cấp 2	3.539
3	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	-
	Tổng vốn tự có = (1) +(2) +(3)	1.368.537

IV. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

1. Nội dung định tính

(a) Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

Ngân hàng đã ban hành quy định nội bộ về cơ cấu tổ chức thực hiện tính toán, quản lý tỷ lệ an toàn vốn và hướng dẫn vận hành hệ thống tỷ lệ an toàn vốn bao gồm các quy định quy trình cụ thể về việc quản lý, tính toán, báo cáo và công bố tỷ lệ an toàn vốn. Các nội dung trọng yếu được nêu trong quy định như: mục tiêu, phạm vi đối tượng áp dụng, quản lý giám sát về tỷ lệ an toàn vốn; phân tách rõ ràng trách nhiệm của các phòng ban liên quan tham gia vào hoạt động tính toán, báo cáo và công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn đảm bảo chủ động quản lý, tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước.

(b) Kế hoạch vốn để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn

Ngân hàng thiết lập tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu cho thời gian 03 năm tới và thực hiện đánh giá định kỳ tối thiểu mỗi năm một lần để điều chỉnh kịp thời khi có thay đổi về môi trường kinh doanh, pháp lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý rủi ro. Trên cơ sở tỷ lệ an

toàn vốn mục tiêu được thiết lập, Ngân hàng xây dựng kế hoạch vốn và kế hoạch kinh doanh phù hợp.

2. Nội dung định lượng

Biểu 02 – Tài sản tính trong tỷ lệ an toàn vốn và tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng. Trong đó:	7.203.154
	<i>Rủi ro tín dụng</i>	7.203.154
	<i>Rủi ro tín dụng đối tác</i>	-
2	Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động	28.862
3	Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường	114.594
4	Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 (%)	15,17
5	Tỷ lệ an toàn vốn (%)	15,21

V. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng.

1. Nội dung định tính:

(a) Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Cuối năm 2024, căn cứ quy định “Khẩu vị rủi ro và chính sách quản lý rủi ro của tập đoàn Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited” và thông tư “Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” (sau đây viết tắt là Thông tư 13/2018/TT-NHNN), với môi trường kinh doanh của Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited - Chi nhánh Hà Nội, dựa trên việc rà soát lại “Khẩu vị rủi ro và chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited – Chi nhánh Hà Nội năm 2024”, chúng tôi đã thiết lập “Khẩu vị rủi ro và Chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited - Chi nhánh Hà Nội năm 2025”, được ban hành và có hiệu lực sau khi trình lên Hội sở chính phê duyệt.

(b) Khung quản lý rủi ro

Hệ thống quản trị rủi ro của Chi nhánh bao gồm Ban lãnh đạo cao cấp của Chi nhánh, Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban thẩm định tín dụng, ba tuyến phòng thủ rủi ro (bộ phận kinh doanh là tuyến phòng thủ thứ nhất, bộ phận quản lý rủi ro và các phòng ban liên

quan khác là tuyến phòng thủ thứ hai, bộ phận kiểm toán nội bộ là tuyến phòng thủ thứ ba).

(c) Nguyên tắc quản lý rủi ro

Nguyên tắc quản lý rủi ro của Chi nhánh là toàn diện, cân bằng và minh bạch. Chính sách quản lý rủi ro tín dụng của chi nhánh là thiết lập hệ thống quản lý rủi ro tín dụng phù hợp với tình hình rủi ro của Chi nhánh và mức độ phức tạp của sản phẩm và nghiệp vụ. Chi nhánh thông qua việc nhận biết, đo lường, đánh giá, phòng ngừa, giảm thiểu, theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro tín dụng để duy trì chất lượng tài sản ở mức tốt, thúc đẩy nghiệp vụ tín dụng của Chi nhánh phát triển đồng đều về “lợi nhuận, chất lượng, quy mô”. Chi nhánh tuân thủ nghiêm túc “Khẩu vị rủi ro và Chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited - Chi nhánh Hà Nội”, các quy định liên quan của ngân hàng Hội sở và các cơ quan giám sát Việt Nam, thận trọng triển khai công tác quản lý rủi ro tín dụng.

(d) Các chỉ tiêu định lượng của rủi ro tín dụng

Chi nhánh thiết lập 6 chỉ tiêu rủi ro tín dụng (tỷ lệ nợ xấu, tỷ trọng tài sản rủi ro, tỷ lệ rủi ro tập trung 3 khách hàng lớn nhất, giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng pháp nhân, giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan, giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một ngành nghề).

Đến hiện tại, tất cả các tài sản có rủi ro tín dụng của chi nhánh đều thuộc nhóm nợ tiêu chuẩn, không có nợ quá hạn và nợ xấu. Quy trình phê duyệt khoản vay phù hợp với quy định của ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng Hội sở, các khoản vay vượt quyền hạn phê duyệt của Chi nhánh được trình lên Hội sở phê duyệt. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng cho 1 khách hàng/ 1 khách hàng và người có liên quan đều phù hợp với quy định của NHNN Việt Nam và quy định của ngân hàng Hội sở, phù hợp với khẩu vị rủi ro và chính sách quản lý rủi ro của Chi nhánh.

- Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn:

Khi tính tỷ lệ an toàn vốn, Chi nhánh sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm của các tổ chức xếp hạng tín dụng độc lập như Moody's, Standard & Poor, and Fitch Rating.

- Danh sách các tài sản đảm bảo, bảo lãnh của bên thứ ba, bù trừ số dư nội bảng và sản phẩm phái sinh tín dụng đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng

Hiện tại Chi nhánh chỉ thông qua các tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng.

2. Nội dung định lượng

Biểu 03: Tổng tài sản có tính theo rủi ro tín dụng (theo xếp hạng tín nhiệm)

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản phải đòi	Xếp hạng	Hệ số rủi ro tín dụng	Giá trị Tài sản có rủi ro
Khoản phải đòi TCTD nước ngoài	AAA, AA+, AA, AA-	20%	20.006
	A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	50%	4.551.267
	BB+, BB, BB-, B+, B, B-	100%	-
	Xếp hạng thấp hơn B- và không có xếp hạng	150%	-
Khoản phải đòi TCTD trong nước có thời hạn ban đầu từ 03 tháng trở lên	AAA, AA+, AA, AA-	20%	-
	A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	50%	-
	BB+, BB, BB-	80%	661.448
	B+, B, B-	100%	187.201
	Xếp hạng thấp hơn B- và không xếp hạng	150%	-
Khoản phải đòi TCTD trong nước có thời hạn ban đầu dưới 03 tháng	AAA, AA+, AA, AA-	10%	-
	A+, A, A-, BBB+, BBB, BBB-	20%	-
	BB+, BB, BB-	40%	1.011.503
	B+, B, B-	50%	-
	Xếp hạng thấp hơn B- và không xếp hạng	70%	-
Tổng			6.431.425

Biểu 04: Tổng tài sản có tính theo rủi ro tín dụng (theo đối tượng có hệ số rủi ro)

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại tài sản	Giá trị tài sản có rủi ro
Khoản phải đòi Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng nhà nước, Kho bạc nhà nước, Ủy ban nhân dân, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng chính sách	-
Khoản phải đòi tổ chức tài chính (bao gồm cả tổ chức tín dụng)	6.431.425
Khoản phải đòi doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	675.310
Khoản phải đòi khách hàng cá nhân	-
Khoản nợ xấu	-
Tài sản khác	96.419
Tổng	7.203.154

Biểu 05: Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngành kinh tế	Giá trị tài sản có rủi ro
Công nghiệp chế biến, chế tạo	44.206
Xây dựng	-
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	423.996
Khác	207.108
Tổng cộng	675.310

Biểu 06: Tài sản có rủi ro tính theo rủi ro tín dụng trước và sau khi giảm thiểu.

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu				Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
	Tài sản bảo đảm	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ 3	Sản phẩm phái sinh tín dụng	
20.413	39.686	-	-	-	591

VI. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng.

1. Nội dung định tính:

(a). Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

Chiến lược quản lý rủi ro hoạt động của Ngân hàng là xây dựng hệ thống quản lý rủi ro hoạt động tương thích với độ phức tạp của nghiệp vụ và tình trạng rủi ro của ngân hàng. Việc nhận dạng, đánh giá, giám sát và kiểm soát rủi ro hoạt động phải gắn liền với các sản phẩm, các hoạt động và quy trình nghiệp vụ; duy trì sự cân bằng giữa chi phí và lợi nhuận, thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro phù hợp. Chi nhánh tuân

thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng Hội sở, tiến hành quản lý rủi ro hoạt động trong tất cả các sản phẩm, hoạt động kinh doanh, quy trình nghiệp vụ. Chi nhánh thực hiện phân tách chức năng nhiệm vụ của từng cán bộ nhân viên trong các giao dịch, quy trình nghiệp vụ, thực hiện phân cấp thẩm quyền, cơ chế thẩm duyệt và kiểm soát hạn mức rủi ro. Chi nhánh thành lập ba tuyến bảo vệ rủi ro, tạo nên sự gắn kết hiệu quả giữa các tuyến bảo vệ. Chi nhánh xây dựng hệ thống chỉ số giám sát rủi ro hoạt động, thiết lập hạn mức rủi ro hoạt động, định kỳ phân tích tình hình thực hiện hạn mức rủi ro, thực hiện các cơ chế cảnh báo và báo cáo về rủi ro hoạt động. Chi nhánh tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy trình quy định, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, cải thiện chức năng hệ thống công nghệ thông tin và tăng cường đào tạo nhân lực.

Chi nhánh tuân thủ các hạn mức rủi ro hoạt động của ngân hàng Hội sở, trong “Khẩu vị rủi ro và chính sách quản lý rủi ro Ngân hàng Agricultural bank of China Limited – Chi nhánh Hà Nội” đã thiết lập 2 chỉ tiêu hạn mức rủi ro hoạt động, bao gồm chỉ tiêu tỷ lệ tổn thất khi phát sinh sự kiện rủi ro hoạt động và chỉ tiêu lũy kế thời gian bị gián đoạn tối đa của hệ thống quan trọng. Trong kỳ báo cáo, mục tiêu tỷ lệ tổn thất do sự kiện rủi ro hoạt động của Chi nhánh ở mức $\leq 0,09\%$ và mục tiêu lũy kế thời gian bị gián đoạn tối đa của hệ thống quan trọng không vượt quá 4 giờ/ năm.

(b). Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

Chi nhánh thiết lập và định kỳ thử nghiệm kế hoạch duy trì hoạt động liên tục phù hợp với chiến lược quản lý rủi ro hoạt động. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục đảm bảo đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau đây:

- Phù hợp với tính chất, quy mô hoạt động của Chi nhánh;
- Có hệ thống dự phòng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu thông tin;
- Khôi phục được các hoạt động kinh doanh bị gián đoạn về trạng thái bình thường theo thời hạn yêu cầu; và
- Được thử nghiệm, rà soát định kỳ tối thiểu hằng năm để xác định mức độ hiệu quả của kế hoạch duy trì hoạt động liên tục và chỉnh sửa (nếu cần thiết).

2. Nội dung định lượng

Biểu 07: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động tính theo chỉ số kinh doanh của chi nhánh tại thời điểm 31/12/2025 như sau

Đơn vị tính: triệu đồng

Giai đoạn	Chỉ số kinh doanh			
	IC	SC	FC	Chỉ số kinh doanh = IC + SC + FC
04 quý đầu tiên	180.836	4.057	7.356	192.249
04 quý tiếp theo	170.453	7.210	16.999	194.662
04 quý gần nhất	165.883	4.636	19.806	190.325
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động (*)				28.862

(*): Giá trị bình quân Chỉ số kinh doanh trong 3 năm nhân với hệ số 15%

VII. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của giá cả thị trường (gồm lãi suất, tỷ giá, giá cổ phiếu và giá hàng hóa) gây tổn thất cho các nghiệp vụ nội bảng và ngoại bảng.

1. Nội dung định tính

(a) Chính sách quản lý rủi ro thị trường:

Chính sách quản lý rủi ro thị trường của Chi nhánh được xây dựng, triển khai phù hợp với chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ và tuân thủ quy định của ngân hàng Hội sở và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chi nhánh dựa trên sự khác nhau của các yếu tố rủi ro, áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro khác biệt để kiểm soát rủi ro thị trường trong phạm vi khẩu vị của Chi nhánh nhằm đảm bảo nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro. Từ đó, phòng tránh, giảm thiểu các tác động bất lợi của rủi ro thị trường đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh một cách hiệu quả. Việc giám sát và báo cáo rủi ro thị trường được thực hiện thường xuyên liên tục thông qua hạn mức rủi ro và báo cáo định kỳ nhằm kịp thời báo cáo cho cấp lãnh đạo Chi nhánh và gửi đến các bộ phận liên quan của ngân hàng Hội sở. Nhằm phù hợp với thay đổi của các quy định pháp luật Việt Nam và yêu cầu của ngân hàng Hội sở, kết hợp tình hình phát triển kinh doanh, vào quý 4 mỗi năm Chi nhánh đều tiến hành sửa đổi hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro và trình lên ngân hàng Hội sở phê duyệt.

(b) Chiến lược tư doanh

Hiện nay Chi nhánh không triển khai các giao dịch tự doanh.

(c) Danh mục thuộc sổ kinh doanh

Sổ kinh doanh của Chi nhánh hiện chỉ triển khai danh mục ngoại hối bao gồm giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay phục vụ nhu cầu khách hàng. Nghiệp vụ giao dịch ngoại hối cho khách hàng theo nguyên tắc không giữ trạng thái qua đêm. Chi nhánh bám sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế để duy trì trạng thái ngoại hối phù hợp với hạn mức rủi ro, tuân thủ quy định của ngân hàng Hội sở và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Nội dung định lượng

Biểu 08: Vốn yêu cầu của Chi nhánh theo rủi ro thị trường tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản có rủi ro	Vốn yêu cầu
Rủi ro lãi suất	-	-
Rủi ro giá cổ phiếu	-	-
Rủi ro giá cả hàng hóa	-	-
Rủi ro ngoại hối	1,432,424	114,594
Rủi ro giao dịch quyền chọn	-	-

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



ZHOU YE